

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2019/HNGĐ -ST

Ngày: 08 tháng 5 năm 2019

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tâm

2. Ông Phạm Thành Công

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Duy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 388/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018, về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19a/2019/QĐST – HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Thanh T, sinh năm: xxxx (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện G, Tiền Giang

2. *Bị đơn:* Chị Võ Thanh T, sinh năm: xxxx (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện G, Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Thanh T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2012, anh và chị T quen biết, tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

B, huyện G, giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 06 tháng 3 năm 2012. Sau khi cưới vợ chồng sống chung gia anh T, sống hạnh phúc được khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường đi chơi đêm không về nhà. Từ đầu năm 2018 đến nay vợ chồng anh không còn chung sống với nhau. Nay anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với chị T

- Về con chung: Có 01 con chung Lê Võ Tuấn K, sinh ngày xx tháng x năm xxxx. Ly hôn, anh T đồng ý giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh T tự nguyện cấp dưỡng cho chị T nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa, anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có

* Chị Võ Thanh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tổng tụng trong quá trình giải quyết vụ án nhưng chị vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có kiến nghị

Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Thanh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Võ Thanh T là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Võ Thanh T đã được Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (lần 1, lần 2); Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập nhưng chị T vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị T tự nguyện tìm hiểu và chung sống được Ủy ban nhân dân xã B, huyện G cấp giấy chứng kết hôn số 29 ngày 06 tháng 3 năm 2012 là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không hàn gắn được nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Anh T cho là do anh T đi chơi đêm không về nhà dẫn đến vợ chồng cãi vã nhiều lần không hàn gắn được. Anh T, chị T không chung sống với nhau từ năm đầu năm 2018 đến nay. Xét thấy, anh T và chị T không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc quan tâm lẫn nhau, không có biện pháp hàn gắn tình cảm mà để mặc cho mâu thuẫn kéo dài.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng của vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T xin ly hôn là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng để tham dự phiên tòa và có ý kiến về việc ly hôn nhưng chị vẫn vắng mặt để mặc cho mâu thuẫn kéo dài, không có ý kiến về những nội dung mâu thuẫn mà anh T đưa ra nên lời trình bày của anh T là có cơ sở phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Anh T và chị T thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên Lê Võ Tuấn K, sinh ngày xx tháng x năm xxxx hiện đang sống với anh. Ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con

Xét yêu cầu của anh T về người trực tiếp nuôi con là phù hợp quy định tại các điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Chị T được quyền được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi

- Về tài sản chung và nợ chung: anh T khai không có

[3] Về án phí: Anh T nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lê Thanh T và chị Võ Thanh T

2. Về con chung:

- Giao con chung Lê Võ Tuấn K, sinh ngày xx tháng x năm xxxx cho anh Lê Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng

- Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị Võ Thanh T do anh Lê Thanh T chưa yêu cầu

- Chị T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản

- Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có

4. Về án phí: Anh Lê Thanh T nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 46007 ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Anh T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THA DS huyện Gò Công Đông;
- UBND thị trấn B, huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự
- Lưu hs.av

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Vũ